

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 11 - 2022

V/v: ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên;

2. Bà Bùi Thị Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2022 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX - ST ngày 05/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST- HPT ngày 24/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị Trần Thị Thu P, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: - Anh Trần Ngọc M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị P có mặt, anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thu Phương trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M1(nay là xã M2), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Một phần do chúng tôi kết hôn đã lâu nhưng không có con chung dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng. không còn tình cảm. Hiện nay tôi và anh M đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh M nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh M không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Ngọc M không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh M.

* *Kết quả xác minh tại UBND xã M2 thể hiện:* Chị P và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND xã M2. Anh M kết hôn với chị P là lần kết hôn thứ hai. Sau khi kết hôn anh M và chị P đi làm ăn ở thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng có về địa phương. Sau kết hôn, anh M và chị P sống cùng bố mẹ đẻ anh Mạnh là ông Trần Văn L và bà Lưu Thị T tại thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình. Về nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không rõ. Về con chung, anh M và chị P không có con chung.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M đến làm việc nhưng anh Mạnh đều vắng mặt không lý do vì vậy Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị P được ly hôn anh M.

Về quan hệ con chung: Chị P và anh Mạnh không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh M không có tài sản chung.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh M có đăng ký hộ khẩu tại thôn N, xã M2, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình., nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã gửi và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị P kết hôn với anh Mạnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1(nay là xã M2), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Tòa án đã nhiều lần thông báo để anh Mạnh trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị P và hòa giải nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị P, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xử cho chị P được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị P và anh M không có con chung.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Phương không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi được lời khai của anh M nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu P được ly hôn anh Trần Ngọc Mạnh.

2. Về quan hệ con chung: Chị P và anh M không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001700 ngày 29/7/2022 sang thi hành án phí, chị Phương đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu P có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/11/2022. Anh Trần Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Anh Tuấn